KIỀU ĐỨC ANH

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
137,5	30,2

LƯU QUỲNH ANH

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
139,5	40,25

TRẦN DIỆP HẠ CHÂU

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
137,5	30,5

ĐẶNG VÂN HÀ

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
146,2	38,2

ĐỖ QUANG HUY

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
151,3	49,65

NGUYỄN NGỌC DIỆP LINH

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
153,8	39,2

LƯU THANH PHONG

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
138,4	38,1

NGUYỄN VIẾT THANH

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
132,6	36,4

LIVEWORKSHEETS

ĐẶNG ANH THƯ

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
145,3	39,8

LƯƠNG HÀ VY

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
139,2	32,5

TRẦN DIỆP HẠ CHÂU

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
137,5	30,5

ĐẶNG VÂN HÀ

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
146,2	38,2

ĐỖ QUANG HUY

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
151,3	49,65

NGUYỄN NGỌC DIỆP LINH

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
153,8	39,2

LƯU THANH PHONG

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
138,4	38,1

NGUYỄN VIẾT THANH

Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
132,6	36,4

LIVEWORKSHEETS